

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ CAI LẬY  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2020/DS-ST

Ngày: 06/8/2020

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa:* Bà **Phan Thị Kim Thoa**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Trần Văn Tám**

2. Ông **Huỳnh Ngọc Trứ**

*Thư ký phiên Tòa:* Bà **Huỳnh Thanh An** – Thư ký tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang: Bà Nguyễn Thị Liễu, kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 258/2019/TLST-DS ngày 13 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

\* *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị Quỳnh N**, sinh năm 1991 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Q, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

\* *Bị đơn:* Bà **Lê Thị Y**, sinh năm 1967. (vắng mặt)

Ông **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1966. (vắng mặt)

Anh **Nguyễn Minh T**, sinh năm 1993. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Quý T, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

\* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông **Bùi Duy H**, sinh năm 1996. (có đơn xin giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Q, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

*Người làm chứng:*

- **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1984. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Q, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- **Nguyễn Thanh H**, sinh năm 1977. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 2/14, khu phố A, phường T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Nguyên đơn* **Trần Thị Quỳnh N** trình bày:

Do chỗ quen biết nên vào tháng 12/2018 tôi có cho bà **Lê Thị Y**, **Nguyễn Văn B**, **Nguyễn Minh T** mượn số tiền 126.000.000đ có làm biên nhận hẹn trả trong hạn 01 tháng, không tính lãi đối với số tiền này. Đã hết thời hạn như đã hứa tôi có yêu cầu bà **Y**, ông **B** và anh **T** trả cho tôi số tiền nêu trên và tôi có yêu cầu bà **Y**, ông **B**, anh **T** viết giấy hẹn trả tôi các lần như sau:

- Ngày 29/01/2019 trả 50.000.000đ.
- Ngày 30/02/2019 trả 12.670.000đ.
- Ngày 30/3/2019 trả 12.670.000đ.
- Ngày 30/4/2019 trả 12.670.000đ.
- Ngày 30/5/2019 trả 12.670.000đ.
- Ngày 30/6/2019 trả 12.670.000đ.

Từ ngày bà Y, ông B, anh T viết giấy hẹn trả như nêu trên nhưng không thực hiện trả. Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Y, ông B, anh T phải trả cho tôi số tiền 126.000.000đ, không yêu cầu tính lãi. Yêu cầu trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

\* Bị đơn anh Nguyễn Minh T trình bày: Tháng 12/2018 tôi có mượn của chị N số tiền 100.000.000đ và anh Lê Duy H số tiền 26.000.000đ. Khi mượn của chị N số tiền 100.000.000đ thì tôi có đưa lại chị N số tiền 40.000.000đ, nên chỉ còn nợ lại chị N số tiền 60.000.000đ. Đối với yêu cầu khởi kiện của chị N yêu cầu tôi trả số tiền 126.000.000đ thì tôi chỉ đồng ý trả 60.000.000đ còn số tiền tôi nợ anh H 26.000.000đ thì tôi và anh H sẽ thỏa thuận riêng.

\* Bị đơn bà Nguyễn Thị Y có bản tự khai trình bày ý kiến như sau:

Tôi là mẹ của Nguyễn Minh T tôi có hứa và đồng ý trả cho Bùi Duy H số tiền gốc là 42.900.000đ và lãi là 32.100.000đ, tổng cộng là 75.000.000đ. Tôi có trả cho chú Dương, chú D số tiền 40.000.000đ, đã nhiều lần H, D, D đến nhà yêu cầu tôi trả nợ nhưng do hoàn cảnh tôi khó khăn nên không có tiền trả. Ngày 30/11 âm lịch cô N và chú H kêu vợ chồng tôi ra Ủy ban xã làm giấy kết hôn để vay tiền lãi thấp trả cho D và H. Khi đến UBND xã thì vợ chồng tôi có gặp công an xã kêu vợ chồng tôi phải ký biên nhận nợ cô N số tiền 126.000.000đ gốc và lãi, nếu tôi không trả thì gia đình tôi sẽ gặp rắc rối lớn, chính vì vậy tôi mới ký tên vào biên nhận nợ này.

\* Đối với ông Nguyễn Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ các lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

\* Tại bản tự khai và đơn xin vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bùi Duy H trình bày:

Qua lời khai của anh T tôi không đồng ý vì số tiền 126.000.000đ mà chị N kiện anh T và anh T cho rằng số tiền 26.000.000đ trong tổng số tiền 126.000.000đ mà chị N kiện là anh T mượn của tôi là không có. Tôi và anh T có quan hệ vay mượn nợ nhưng là việc riêng, không liên quan gì đến số tiền chị N kiện anh T là 126.000.000đ này. Đối với số tiền tôi cho anh T mượn thì tôi và anh T sẽ tự thỏa thuận bên ngoài, không liên gì đến vụ kiện này. Nay tôi không có yêu cầu cũng như không có ý kiến gì đối với vụ kiện này nên tôi xin vắng mặt trong các phiên hòa giải và xét xử của Tòa án.

\* Người làm chứng anh Nguyễn Văn D trình bày:

Vợ tôi là Trần Thị Quỳnh N có cho ông B, bà Y, anh T vay số tiền 126.000.000đ, do đã quá thời hạn trả nợ như đã hứa nên vợ tôi có đơn khởi kiện tại Tòa án. Phía bà Y có lời khai là đưa tôi số tiền 40.000.000đ là không có. Bởi vì tôi không có nhận bất cứ số tiền nào của bà Y. Nay tôi làm bản tự khai này để trình bày rõ sự việc và không liên quan gì đến tôi.

\* Người làm chứng Nguyễn Thanh H trình bày: Ngày 01/02/2019 tôi có đến UBND xã Nhị Quý để làm công việc riêng, tôi có thấy ông Nguyễn Văn B, Lê Thị Y, Nguyễn Minh T cãi nhau với chị Trần Thị Quỳnh N. Do có quen biết 2 bên nên ông B nhờ tôi đứng ra làm chứng ký tên vào tờ giấy nợ là ông B, bà Y, anh T nợ chị N số tiền 126.000.000đ.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy phát biểu ý kiến:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tuân theo đúng pháp luật tố tụng.

- *Về nội dung:* Theo giấy mượn tiền thì các bị đơn thừa nhận có ký vào giấy mượn tiền hẹn trả nhiều kỳ nhưng không thực hiện được kỳ trả nợ nào, đồng thời bà Y, anh T cho rằng đã trả chỉ còn nợ lại 60.000.000đ nhưng các bị đơn không có chứng cứ nào để chứng minh là đã trả nguyên đơn và chỉ còn nợ lại số tiền 60.000.000đ. Cho nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu các bị đơn phải trả số tiền 126.000.000đ là có căn cứ, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Quỳnh N xác định đây là quan hệ tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét thấy, hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn chị Trần Thị Quỳnh N với bà Lê Thị Y, ông Nguyễn Văn B, anh Nguyễn Minh T thực tế đã phát sinh. Bởi lẽ, nguyên đơn là chị N cung cấp tờ “giấy mượn tiền” (bản chính) với số tiền là 126.000.000 đồng (Một trăm hai mươi sáu triệu đồng), cụ thể nội dung giấy mượn tiền thể hiện: bà Y, ông B, anh T có mượn của chị N số tiền 126.000.000đ, hẹn trả cụ thể vào các kỳ như sau: - Ngày 29/01/2019 trả 50.000.000đ; Ngày 30/02/2019 trả 12.670.000đ; Ngày 30/3/2019 trả 12.670.000đ; Ngày 30/4/2019 trả 12.670.000đ; Ngày 30/5/2019 trả 12.670.000đ; Ngày 30/6/2019 trả 12.670.000đ. Đến nay đã nhiều lần chị N yêu cầu bà Y, ông B anh T trả nợ nhưng các bị đơn vẫn không trả, nên chị N có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc các bị đơn trả cho chị N số tiền 126.000.000đ, ngay khi án có hiệu lực.

Đối với bị đơn bà Lê Thị Y thừa nhận có mượn của chị N số tiền 126.000.000đ, tuy nhiên đã trả cho anh D (chồng chị N) số tiền 40.000.000đ, tuy nhiên đối với lời khai nại này bà Y không có chứng cứ gì để chứng minh đã trả tiền cho anh D và phía anh D có lời khai không thừa nhận đối với ý kiến này của bà Y.

Đối với anh Nguyễn Minh T có lời khai cho rằng có mượn của chị N số tiền 100.000.000đ và mượn anh Bùi Duy H số tiền 26.000.000đ, đồng thời đã trả cho chị N số tiền 40.000.000đ, chỉ còn nợ lại số tiền 60.000.000đ, nên anh T chỉ đồng ý trả cho chị N số tiền 60.000.000đ, còn việc nợ anh H số tiền 26.000.000đ thì anh T và anh H sẽ tự thỏa thuận. Xét thấy lời khai nại của anh T là không có căn cứ, bởi lẽ anh T khai đã trả cho chị N số tiền 40.000.000đ phía chị N không thừa nhận và anh T cũng không có chứng cứ gì để chứng minh là đã trả cho chị N số tiền 40.000.000đ này. Còn đối với anh H có lời khai cho rằng việc anh T mượn của anh số tiền 26.000.000đ là một quan hệ dân sự khác không liên quan gì đến việc anh T nợ chị N số tiền 126.000.000đ và anh cũng không có yêu cầu gì đối với anh T trong vụ kiện này. Xét thấy, phía anh T khai nại là đã trả tiền chị N nhưng không có chứng cứ gì để chứng minh việc anh T trả tiền cho chị N, mặc khác chị N không thừa nhận đối với lời khai nại này của anh T.

Ông Nguyễn Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ các lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do cũng không trình bày ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của chị N. Như vậy là ông B đã mặc nhiên thừa nhận nghĩa vụ của mình đối với nguyên đơn chị N và đây cũng là tình tiết không phải chứng minh được quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Bùi Duy H có đơn xin giải quyết vắng mặt nên HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H.

Từ những nhận định trên, xét yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Quỳnh N là có căn cứ, cần phải buộc các bị đơn có nghĩa vụ trả cho chị Trần Thị Quỳnh N số tiền vốn vay là 126.000.000đ, thực hiện việc trả nợ khi án có hiệu lực pháp luật.

Xét ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[3] *Về án phí*: bà Lê Thị Y, ông Nguyễn Văn B, anh Nguyễn Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Xử:**

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Quỳnh N.

Buộc bà Lê Thị Y, Nguyễn Văn B, anh Nguyễn Minh T phải có nghĩa vụ trả cho chị Trần Thị Quỳnh N số tiền vốn vay là **126.000.000 đồng** (Một trăm hai mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày chị Trần Thị Quỳnh N có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Lê Thị Y, ông Nguyễn Văn B, anh Nguyễn Minh T chậm thi hành đối với phần tiền thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2/ *Về án phí*: bà Lê Thị Y, ông Nguyễn Văn B, anh Nguyễn Minh T phải chịu 6.300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho chị Trần Thị Quỳnh N số tiền 3.150.000đ tạm ứng án phí theo biên lai số 000325 ngày 12/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy.

3/ *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- *TAND tỉnh Tiền Giang;*
- *VKSND TX Cai Lậy;*
- *Chi cục THADS TX Cai Lậy;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Thị Kim Thoa**